

## LAB01\_2

### 1. Xây dựng class Supplier

Đừng chú ý đến ý nghĩa thực tế của các đối tượng, biến và giá trị trong các câu hỏi dưới đây.

Viết một class **Supplier** (trong namespace mặc định) với các thông tin sau:

#### Class Supplier

##### Trường dữ liệu:

- int id
- string name
- string address
- string phone
- bool status

##### Phương thức:

- Supplier() - constructor mặc định (id = 0, name rỗng, address rỗng, phone rỗng, status = false)
- Supplier(int id, string name, string address, string phone, string status)
- override string ToString()
- Các phương thức khác nếu cần thiết

##### Validation cho constructors và setters:

- Kiểm tra **name** không rỗng và độ dài từ 5 đến 50 ký tự. Nếu **name** hợp lệ thì status = true, ngược lại status = false
- Kiểm tra **phone** phải bắt đầu bằng '0' và có độ dài đúng 9 ký tự (sau số 0)

##### Các Properties và Constructors:

- **Supplier()** - constructor mặc định (Id = 0, Name = "", Address = "", Phone = "", Status = false)
- **Supplier(int id, string name, string address, string phone, bool status)** - constructor có tham số, thiết lập các giá trị và áp dụng validation
- **Name Property** - Setter: Nếu giá trị không hợp lệ thì đặt name = "no name". Getter: Trả về name với định dạng title case
- **Address Property** - Getter: Trả về address với định dạng title case
- **Phone Property** - Setter: Nếu giá trị không hợp lệ thì đặt = "000.000.0000"

- **SetPhoneAddress(string phone, string address)** - Phương thức thiết lập cả phone và address cùng lúc
- **override ToString()** - Trả về một chuỗi chứa tất cả thông tin của Supplier [id, name, address, phone, status]. Nếu status = true thì in "Available", ngược lại in "Unavailable". Lưu ý, tên của Supplier và Address ở dạng **Title Case** (trả thông tin qua getter).

**2. Xây dựng lớp Tester để nhập vào danh sách các Supplier và In ra danh sách đã nhập.**